

Số: 2024 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Đề án “Hỗ trợ phát triển mô hình Hợp tác xã ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và mô hình Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;*

*Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.*

*Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh tại Tờ trình số 61 /TTr-LM ngày 10/9/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Đề án “Hỗ trợ phát triển mô hình Hợp tác xã ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và mô hình Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Giao Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án đảm bảo phát huy hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch;
- Sở Tài chính;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUBND tỉnh:
  - + LĐVP, TPKTTH, KTN, TH, TTTT;
  - + Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Thế Tuấn**

**ĐỀ ÁN**  
**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ 4.0  
TRONG QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
VÀ MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KHỞI NGHIỆP ỨNG DỤNG  
CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Phần thứ nhất**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ LẬP ĐỀ ÁN**

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN**

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 hay còn gọi là công nghiệp 4.0 (công nghệ 4.0) được hiểu là các công nghệ có tính đột phá thế hệ thứ tư được kết hợp từ các thành tựu trong lĩnh vực số hóa, vật lý và công nghệ sinh học. Ứng dụng CN 4.0 vào sản xuất kinh doanh là xu thế tất yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội.

Đề ứng dụng được thành tựu của cuộc cách mạng CN 4.0 vào phát triển kinh tế xã hội thì vai trò của phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo là rất quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid-19. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới là “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”.

Bắc Giang là tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc (nằm phía Đông Bắc Việt Nam), với những điều kiện thuận lợi về địa hình và điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng nên Bắc Giang có nhiều lợi thế để phát triển, đa dạng các ngành nghề, trong đó có phát triển nông nghiệp. Để phát huy các lợi thế nhằm xây dựng phát triển hiệu quả và bền vững kinh tế xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thành tựu của cuộc cách mạng CN 4.0, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để hỗ trợ, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, trong đó ưu tiên, tập trung nhiều nguồn lực để hỗ trợ phát triển lĩnh vực kinh tế tập thể mà nòng cốt là Hợp tác xã<sup>1</sup>.

Mặc dù có cơ hội to lớn để HTX phát triển và ứng dụng công nghệ cao (CNC), công nghệ 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh, song hầu hết các HTX trên địa bàn tỉnh hiện nay đang gặp khó khăn trong tận dụng được các cơ hội đó. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn tới tình trạng trên mà trong số đó là: thiếu vốn để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; khả năng tiếp cận thông tin,

<sup>1</sup> Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND về quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025; Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025...

ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế; hoạt động quản lý, tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào kinh nghiệm, làm theo hình thức thủ công; đa số các HTX còn lúng túng trong chủ động tìm kiếm, nắm bắt thông tin về thị hiếu của thị trường, đa dạng các kênh phân phối sản phẩm; khó thu hút được lao động đã qua đào tạo về làm việc tại các HTX; tỉnh chưa có nhiều mô hình HTX ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đồng bộ làm cơ sở để các HTX học tập, triển khai nhân rộng; đội ngũ quản lý HTX hiện nay đều trực tiếp thực hiện nhiều công việc (giao dịch, quản lý các yếu tố đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, tiêu thụ, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, tổ chức các hoạt động dịch vụ...) dẫn tới hiệu quả công việc không cao, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới.

Xã hội đang phát triển mạnh mẽ với sự bùng nổ của CN 4.0, Công nghệ thông minh đang được ứng dụng ở hầu hết các lĩnh vực, sự phát triển của HTX cũng không nằm ngoài xu thế đó. Để bắt kịp được xu thế phát triển, các HTX cần phải nhanh chóng ứng dụng thành tựu của CN 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Xuất phát từ thực tế nêu trên, việc xây dựng đề án “Hỗ trợ phát triển mô hình Hợp tác xã ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và mô hình Hợp tác xã nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025” là rất cần thiết.

## II. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

### 1. Cơ sở lý luận

**1.1. Nội hàm công nghệ 4.0:** là “*một cụm thuật ngữ cho các công nghệ và khái niệm của tổ chức trong chuỗi giá trị*”. Bản chất của CN 4.0 là sự kết hợp của 3 nền tảng gồm: trí tuệ nhân tạo (AI); Dữ liệu lớn (Big data); Internet kết nối vạn vật (IoT).

### 1.2. Quản lý và điều hành hợp tác xã

Hiện nay, mô hình quản lý HTX được phân thành hai nhóm chính: (1) Quản lý riêng, điều hành riêng; (2) Vừa quản lý, vừa điều hành. Trong đó, mô hình quản lý thứ 2 được áp dụng phổ biến với các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Cơ cấu tổ chức HTX gồm đại hội thành viên, hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) và ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý HTX do đại hội thành viên bầu. Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và các thành viên. Ban giám đốc HTX thực hiện chức năng điều hành và Ban Kiểm soát kiểm soát mọi hoạt động của HTX (Luật HTX 2012).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc HTX có vai trò rất quan trọng và liên quan trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của HTX. Đội ngũ này quyết định sự thành công hay thất bại của một tổ chức. Chính vì thế, nâng cao năng lực cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc HTX sẽ giúp công tác quản lý, điều hành, lập kế hoạch và sản xuất kinh doanh dịch vụ hiệu quả. Trong bối cảnh hiện nay, đặc biệt là tác động của cách mạng CN 4.0 đòi hỏi quá trình quản lý, điều hành các hoạt động của HTX cần phải được tối ưu hóa để tiết kiệm thời gian và chi phí.

### **1.3. Về nông nghiệp công nghệ cao**

Theo Quyết định số 738/QĐ-BNN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp bao gồm: công nghệ sinh học trong nông nghiệp; công nghệ ứng dụng trong kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản; công nghệ tự động hóa ứng dụng trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản,...; công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

### **2.1. Tình hình hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Tính đến ngày 30/6/2021, tổng số HTX trên địa bàn tỉnh là 877 HTX (810 HTX đang hoạt động, 67 HTX tạm ngừng hoạt động và HTX ngừng hoạt động chờ giải thể). Trong tổng số 877 HTX thì lĩnh vực nông nghiệp là 566 HTX (chiếm 64,54 %); lĩnh vực phi nông nghiệp là 291 HTX (chiếm 33,18 %); Quỹ tín dụng nhân dân là 20 Quỹ (chiếm 2,28%). Qua đánh giá phân loại trong tổng số HTX có khoảng 35,3% HTX hoạt động khá, hiệu quả (tập trung tỷ lệ cao ở số HTX thành lập mới trong những năm gần đây (từ khi Luật HTX năm 2012 ban hành); 55% HTX xếp loại trung bình và 9,7% HTX hoạt động yếu kém.

Trong giai đoạn 2016-2020 số HTX nông nghiệp được thành lập mới của tỉnh luôn ở mức cao bình quân 1 năm có khoảng 60 HTX thành lập mới, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; đã hình thành được một số vùng sản xuất hàng hoá nông sản tập trung, quy mô lớn; có 48 HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trong trồng trọt, chăn nuôi, hoa rau các loại trong nhà màng...; có 70 sản phẩm của 36 HTX được UBND tỉnh chứng nhận là sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên chiếm 73,68% tổng số sản phẩm OCOP toàn tỉnh ... Nhờ có sự quan tâm, lãnh đạo tạo điều kiện của các cấp, ngành, đoàn thể trong tỉnh và sự nỗ lực vươn lên của các HTX, liên hiệp HTX. Lĩnh vực kinh tế tập thể (KTĐT), HTX của tỉnh thời gian qua đạt được nhiều kết quả tích cực đã có bước phát triển về số lượng, đồng thời chất lượng hoạt động ngày càng đã được củng cố và có những chuyên biên tích cực cụ thể như:

Về lĩnh vực nông nghiệp: các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp đã làm tốt vai trò liên kết nông dân với nhau để chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm. Ngày càng có nhiều mô hình HTX kiểu mới thực hiện liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp từ đầu vào đến đầu ra theo hợp đồng dịch vụ, gắn với chuỗi giá trị. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo HTX dần được trẻ hóa, năng động, có trình độ học vấn, chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành HTX. Xu hướng tham gia vào HTX của các hộ gia đình ở các địa phương ngày càng tăng, cho thấy nhận thức của người dân ngày càng thay đổi, tư duy, cách nghĩ, cách làm từ hoạt động sản xuất nông nghiệp sang hoạt động kinh tế nông nghiệp được hình thành và phát triển.

Về lĩnh vực phi nông nghiệp: các HTX lĩnh vực phi nông nghiệp cũng tích cực đổi mới phương thức hoạt động, chủ động tìm kiếm hướng đi mới, cạnh tranh lành mạnh với các loại hình doanh nghiệp khác, thích hợp để duy trì ổn định, tạo

đà phát triển đi lên. Quỹ tín dụng nhân dân tiếp tục phát huy tốt vai trò quan trọng trong công tác xóa đói giảm nghèo, thể hiện rõ trong hoạt động cung cấp tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Đây được xem là một kênh dẫn vốn quan trọng trực tiếp huy động vốn và cho vay các hộ nông dân để sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Những kết quả đó đã từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng của khu vực KTTT, HTX đối với kinh tế hộ thành viên, kinh tế địa phương nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị cơ sở và đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như nền kinh tế quốc dân.

## ***2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang***

Chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp là xu hướng tất yếu nhằm phát triển nền nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu và cách mạng CN 4.0. Nhằm khuyến khích đầu tư, ứng dụng CNC vào sản xuất nông nghiệp tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy ứng dụng CNC vào sản xuất<sup>2</sup>. Kết quả, cuối năm 2020 toàn tỉnh đã triển khai xây dựng 766 mô hình nông nghiệp ứng dụng CNC sản xuất hiệu quả trong trồng trọt, chăn nuôi thủy sản, lâm nghiệp<sup>3</sup>, trong đó đã có 48 HTX nông nghiệp ứng dụng CNC chiếm gần 10% tổng số HTX nông nghiệp toàn tỉnh.

Trong số các HTX nông nghiệp ứng dụng CNC có 29 HTX trồng trọt (chiếm 60,42%), 07 HTX chăn nuôi (chiếm 14,58%) và 12 HTX tổng hợp (chiếm 25%). Xét về khâu ứng dụng CNC, trong số 48 HTX nông nghiệp ứng dụng CNC có 82% HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trong khâu sản xuất, chủ yếu là kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, với 46,5% CNC đang được sử dụng là nhà màng, nhà lưới, 62,8% sử dụng công nghệ tưới tự động. Tỷ lệ HTX ứng dụng các công nghệ hiện đại trong lĩnh vực trồng trọt như hệ thống cảm biến độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, hệ thống bón phân tự động còn rất thấp, chỉ chiếm dưới 7%. Trong chăn nuôi, các công nghệ cao sử dụng phổ biến gồm hệ thống chuồng khép kín, hệ thống làm mát, máng ăn, máng uống tự động, bể biogas, đệm lót sinh học... chiếm 14% số HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong khâu bảo quản và chế biến, số lượng HTX nông nghiệp ứng dụng CNC còn hạn chế, chiếm 37%, chủ yếu là kho lạnh trong bảo quản, chỉ có 5 HTX (chiếm 11%) đầu tư vào khâu chế biến. Các sản phẩm chế biến của HTX khá đa dạng gồm thịt tươi đóng gói hút chân không, cấp đông, các sản phẩm giò chả, thịt hun khói, lạp xưởng...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, các mô hình HTX nông

<sup>2</sup> Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 3833/KH-UBND ngày 06/11/2018 của UBND tỉnh về Phát triển HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển HTX, liên hiệp HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 44/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025...

<sup>3</sup> Theo Báo cáo số 465-BC/TU ngày 21/5/2021 của Tỉnh ủy Bắc Giang tổng kết Nghị quyết 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Tỉnh ủy.

nghiệp ứng dụng CNC, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: số lượng HTX ứng dụng CNC còn thấp, chiếm 8,6% tổng số HTX nông nghiệp; một số mô hình xây dựng chưa phù hợp, hiệu quả không cao; việc ứng dụng CN 4.0 trong quản lý, điều hành hoạt động của HTX (quản lý nhân sự, quản lý sản xuất, quản lý bán hàng, tiếp cận mở rộng thị trường, quản lý tài chính) còn rất hạn chế... Mặc dù có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ để phát triển ứng dụng CNC, tuy nhiên đa số các HTX khó tiếp cận vì thiếu thông tin và không đáp ứng các điều kiện theo quy định; quy mô ứng dụng CNC trong các HTX nông nghiệp cơ bản còn nhỏ lẻ, sức cạnh tranh kém, tiềm ẩn yếu tố không bền vững; hàm lượng CNC ứng dụng chưa nhiều, mới áp dụng ở một số khâu trong quá trình sản xuất, chủ yếu là kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản; chưa thật sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với thị trường; một số sản phẩm chưa có nhãn hiệu, thương hiệu; công nghệ chế biến và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch còn hạn chế nên chưa phát huy được lợi thế, cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường; hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm còn mang tính hình thức, chưa chặt chẽ. Đây là những rào cản hạn chế sự phát triển của các mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **3. Các căn cứ pháp lý**

#### **3.1. Văn bản của Trung ương**

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 20/11/2012;

Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/6/2018;

Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã 2012;

Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP 21/11/2013 của Chính phủ;

Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012;

Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025;

Quyết định Số 130/QĐ-TTg ngày 27/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2030;

Quyết định 738/QĐ-BNN ngày 14/3/2017 của Bộ nông nghiệp và PTNT về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài Chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;

Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

### **3.2. Văn bản của tỉnh**

Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Nghị quyết số 27/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định mức chi dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung, mức chi tiếp khách nước ngoài và khách trong nước làm việc tại tỉnh Bắc Giang;

Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Bắc Giang;

Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của BTV Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Kế hoạch 165/KH-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư (khóa XII) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, giai đoạn 2020-2025;

Quyết định 2291/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang phiên bản 2.0;

Chương trình hành động số 375/CTr-UBND ngày 14/12/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5



khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

Hỗ trợ, phát triển các mô hình HTX theo hướng số hóa công tác quản lý, điều hành và ứng dụng CNC trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao thu nhập thành viên, góp phần giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện mô hình làm cơ sở quan trọng để các HTX khác học tập, nhân rộng, tiến tới thực hiện số hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX; góp phần làm cơ sở để tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, ban hành những chủ trương chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy, phát triển lĩnh vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng 01 phần mềm (App) phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX được cài đặt trên thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính bảng, máy vi tính...).

- Hỗ trợ, phát triển thành công 05 mô hình HTX ứng dụng CN 4.0 phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; đến năm 2025 hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX tăng lên 02 lần so với trước khi ứng dụng phần mềm.

- Hỗ trợ, phát triển thành công 05 mô hình khởi nghiệp HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh; đến năm 2025 giá trị sản xuất các sản phẩm nông nghiệp do ứng dụng CNC tăng lên 02 lần so với phương thức sản xuất thông thường.

- Đến năm 2025, các HTX tham gia đề án được đánh giá đạt từ mức khá trở lên theo bộ tiêu chí của Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*đối với những HTX trước khi tham gia thực hiện đề án được đánh giá hoạt động trung bình thì sau khi thực hiện đề án được đánh giá đạt loại khá trở lên; những HTX trước khi thực hiện đề án được đánh giá hoạt động đạt loại khá thì sau khi thực hiện đề án sẽ được đánh giá đạt loại tốt*).

- Xây dựng 01 báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đề án góp phần làm cơ sở để UBND tỉnh thực hiện nhân rộng kết quả của đề án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Góp phần tạo lập cơ sở để hỗ trợ Liên minh HTX tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý hoạt động của các HTX, dự báo cơ cấu sản phẩm, sản lượng sản phẩm... của khu vực HTX khi mô hình được triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

## II. NỘI DUNG

### 1. Đối tượng thực hiện

- Đối với mô hình HTX ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh: các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hoạt động theo Luật HTX năm 2012; có nguyện vọng ứng dụng công nghệ để chuyển đổi số công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HTX.

- Đối với mô hình khởi nghiệp HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được thành lập trong giai đoạn năm 2019-2021, đang ứng dụng hoặc có ý tưởng ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục các loại hình công nghệ cao được ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp được quy định cụ thể tại Quyết định số 738/QĐ-BNN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### 2. Phạm vi thực hiện

- Về không gian: trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Về thời gian: thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.

### 3. Nội dung thực hiện của đề án

#### ***3.1. Hỗ trợ xây dựng phần mềm (App) phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang***

- *Đối tượng thực hiện:* Tất cả HTX trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- *Nội dung thực hiện:* Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng phần mềm (App) phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX được cài đặt trên thiết bị thông minh (điện thoại, máy tính bảng, máy vi tính...). Phần mềm sau khi xây dựng sẽ đáp ứng các yêu cầu cụ thể như sau:

+ Có thể triển khai, áp dụng cho tất cả các HTX trên địa bàn toàn tỉnh. Mỗi HTX khi có nhu cầu sẽ được cấp 01 tài khoản quản trị (tài khoản này có thể phân quyền sử dụng các chức năng phần mềm cho các thành viên) để tạo lập cơ sở dữ liệu hoạt động cho HTX (số hóa công tác quản lý, điều hành động của HTX);

+ Hỗ trợ lãnh đạo HTX (Chủ tịch HĐQT, Giám đốc) quản lý, giám sát, điều hành hoạt động bộ máy tổ chức của HTX (Phòng, ban, thành viên, người lao động) theo quy định của Luật HTX năm 2012 mọi lúc mọi nơi trên các thiết bị thông minh;

+ Hỗ trợ lãnh đạo HTX lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; theo dõi, giám sát, điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các bộ phận, phòng ban phù hợp với tình hình thực tế của HTX;

+ Hỗ trợ lãnh đạo HTX quản lý, điều hành hoạt động mua hàng (các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh), bán hàng đa kênh (bán qua cửa hàng đại lý, sàn thương mại điện tử, mạng xã hội trong nước và quốc tế...).

+ Hỗ trợ HTX trong công tác hạch toán, kế toán, báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh, quản lý khách hàng, nhà phân phối;

+ Có khả năng kết nối, tích hợp với các phần mềm quản lý thiết bị IoT

giám sát, quản lý, điều hành sản xuất của HTX;

+ Cơ sở dữ liệu của phần mềm sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông qua trực LGSP của tỉnh khi có yêu cầu; khi phần mềm được triển khai nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh sẽ hỗ trợ Liên minh HTX tỉnh thống kê, dự báo được xu hướng sản xuất, cơ cấu sản phẩm, sản lượng sản phẩm của các khu vực HTX trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổng kinh phí thực hiện: 2.700.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 2.700.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 04 năm, từ 2022 - 2025

### **3.2. Hỗ trợ, phát triển 05 mô hình HTX ứng dụng công nghệ CN 4.0 phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.**

*3.2.1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu (số hóa) quy trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã*

- Đối tượng thực hiện: 05 HTX trên địa bàn tỉnh được chọn tham gia thực hiện đề án, thuộc các nhóm ngành nghề cụ thể như: Trồng cây ăn quả; trồng chế biến sản phẩm từ cây dược liệu; sản xuất rau, hoa các loại trong nhà màng; chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; sản xuất, tiêu thụ mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự.

- Nội dung thực hiện: hỗ trợ HTX số hóa các quy trình quản lý tổ chức bộ máy, thành viên, người lao động; xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh; quản lý bán hàng, thu mua các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh; công tác hạch toán, kế toán, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, quản lý khách hàng, nhà phân phối.

- Tổng kinh phí thực hiện: 250.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân nhà nước: 250.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 0 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

*3.2.2. Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị công nghệ phục vụ triển khai phần mềm*

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% chi phí đầu tư, nâng cấp máy móc thiết bị công nghệ phục vụ triển khai ứng dụng phần mềm.

Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX thông qua việc xây dựng, mua sắm, bàn giao cho HTX theo quy định; trường hợp HTX có đủ năng lực, cơ quan chủ trì xem xét giao cho HTX tự thực hiện dự án, mua sắm theo quy định.

Cơ chế quản lý sau đầu tư: hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX. HTX tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được xử lý theo điều 21, Nghị định 193/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.

Nội dung thực hiện: hỗ trợ HTX hệ thống giám sát minh bạch quy trình sản xuất, sơ chế, đóng gói, bảo quản, giao vận sản phẩm đến nhà phân phối và người

tiêu dùng (hệ thống điều khiển trung tâm; hệ thống Camera giám sát, quản lý chất lượng, bộ thu thập dữ liệu và truyền thông không dây sensor node...); công nghệ cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch.

***Các mô hình cụ thể như sau:***

***a. Mô hình HTX trồng cây ăn quả***

- Đối tượng thực hiện: HTX trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh có quy mô diện tích tối thiểu từ 10ha trở lên.

- Tổng kinh phí thực hiện: 728.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 655.200.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 72.800.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

***b. Mô hình HTX trồng, chế biến sản phẩm từ cây dược liệu***

- Đối tượng thực hiện: HTX trồng, chế biến sản phẩm từ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh có quy mô diện tích tối thiểu từ 05ha trở lên.

- Tổng kinh phí thực hiện: 240.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 216.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 24.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

***c. Mô hình HTX sản xuất rau, hoa các loại trong nhà màng***

- Đối tượng thực hiện: HTX sản xuất rau, hoa các loại trong nhà màng có diện tích sản xuất tối thiểu từ 01ha trở lên.

- Tổng kinh phí thực hiện: 709.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 638.100.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 70.900.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

***d. Mô hình HTX chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.***

- Đối tượng thực hiện: Các HTX chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt có công suất giết mổ, chế biến trung bình tối thiểu từ 10 tấn/tháng trở lên.

- Tổng kinh phí thực hiện: 564.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân nhà nước: 507.600.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 56.400.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

***e. Mô hình HTX sản xuất, tiêu thụ mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự.***

- Đối tượng thực hiện: HTX sản xuất, tiêu thụ mì ống, mì sợi và các sản phẩm tương tự có công suất sản xuất trung bình tối thiểu từ 15 tấn/tháng.

- Tổng kinh phí thực hiện: 669.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 602.100.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 66.900.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 02 năm, từ 2022-2023.

### 3.2.3. Hỗ trợ thu hút lao động trẻ về làm việc tại HTX

- Đối tượng thực hiện: 05 mô hình HTX được chọn tham gia thực hiện đề án.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ thu hút 10 lao động trẻ (mỗi HTX 02 lao động) đã qua đào tạo (Đại học, Cao đẳng) về làm việc tại HTX trong vòng 36 tháng. Mức hỗ trợ hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.852.200.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách tỉnh: 1.852.200.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 03 năm, từ 2023-2025.

### 3.2.4. Hỗ trợ xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường

- Đối tượng thực hiện: 05 mô hình HTX được chọn tham gia thực hiện đề án.

- Nội dung thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí triển khai bán sản phẩm của HTX trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế; tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường trong nước.

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.000.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.000.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 03 năm, từ 2023-2025.

## 3.3. Hỗ trợ, phát triển 05 mô hình khởi nghiệp HTX nông nghiệp ứng dụng CNC

### 3.3.1. Tư vấn hỗ trợ xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh

- Đối tượng thực hiện: 05 mô hình HTX được chọn tham gia thực hiện đề án.

- Nội dung thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn xây dựng kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh cho 5 mô hình HTX bao gồm: Tư vấn phân tích và nghiên cứu thị trường; xác định mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng phương án hoạt động, sản xuất kinh doanh.

- Tổng kinh phí thực hiện: 100.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 100.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022.

### 3.3.2. Hỗ trợ đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% tổng kinh phí thực hiện đầu tư máy móc, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho HTX thông qua việc xây dựng, mua sắm, bàn giao cho HTX theo quy định; trường hợp HTX có đủ năng lực, cơ quan chủ trì xem xét giao cho HTX tự thực hiện dự án, mua sắm theo quy định.

Cơ chế quản lý sau đầu tư: hỗ trợ của Nhà nước là tài sản không chia của HTX. HTX tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi HTX giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được xử lý theo điều 21, Nghị

định 193/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012.

**Các mô hình cụ thể như sau:**

**a. Mô hình khởi nghiệp HTX trồng cây ăn quả**

- Đối tượng thực hiện: 02 HTX trồng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh có quy mô diện tích sản xuất tối thiểu từ 10ha/HTX trở lên.

- Nội dung thực hiện: hỗ trợ đầu tư hệ thống dây truyền công nghệ bảo quản lạnh nhanh kết hợp với chất hấp thụ etylen để bảo quản hoa quả tươi (dây truyền máy móc dùng trong kho lạnh bảo quản hoa quả...); hệ thống dây truyền công nghệ cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch (hệ thống dây truyền công nghệ sấy hoa quả; hệ thống máy móc phun thuốc bảo vệ thực vật; máy móc công nghệ trong khâu máy làm cỏ, làm đất...)

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.600.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.440.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 160.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 2 năm, từ 2022-2023.

**b. Mô hình khởi nghiệp HTX sản xuất rau, hoa các loại trong nhà màng**

- Đối tượng thực hiện: 02 mô hình khởi nghiệp HTX sản xuất rau, hoa các loại trên địa bàn tỉnh có quy mô diện tích sản xuất tối thiểu từ 01ha/HTX trở lên.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động (*hệ thống quạt đối lưu làm mát trong nhà màng; hệ thống tưới và bón phân tự động; hệ thống cảm biến nhiệt độ, độ ẩm...*); hệ thống dây truyền công nghệ cơ giới hóa trong sản xuất, thu hoạch, chế biến và bảo quản sau thu hoạch (*hệ thống dây truyền công nghệ sơ chế, phân loại, đóng gói sản phẩm...*).

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.260.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.134.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 126.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 3 năm, từ 2022-2024.

**c. Mô hình khởi nghiệp HTX nuôi trồng thủy sản nội địa**

- Đối tượng thực hiện: 01 mô hình khởi nghiệp HTX nuôi trồng thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh có quy mô diện tích sản xuất tối thiểu từ 02ha trở lên.

- Nội dung thực hiện: hỗ trợ, đầu tư công nghệ tự động hóa, bán tự động trong quá trình chăn nuôi thâm canh nuôi trồng thủy sản (hệ thống máy móc, thiết bị vận hành, cho ăn tự động; hệ thống máy móc, thiết bị tuần hoàn nước và sục tạo khí; hệ thống thiết bị cảm biến; hệ thống phần mềm và camera giám sát ao hồ...).

- Tổng kinh phí thực hiện: 720.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 648.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 72.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 3 năm, từ 2022-2024.

### **3.3.3. Hỗ trợ xây dựng mới hoặc nâng cấp bao bì, nhãn mác; tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm**

- Đối tượng thực hiện: các mô hình khởi nghiệp HTX trồng cây ăn quả và mô hình khởi nghiệp HTX sản xuất rau, hoa các loại trong nhà màng được chọn tham gia thực hiện đề án.

- Nội dung thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng mới hoặc nâng cấp bao bì, nhãn mác; hỗ trợ 50% kinh phí tem truy xuất nguồn gốc.

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.760.000.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước hỗ trợ: 880.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 880.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 03 năm, từ 2022-2024.

### **3.4. Hỗ trợ nâng cao năng lực, nhận thức cho HTX**

- Đối tượng thực hiện: Cán bộ quản lý, thành viên, người lao động của 10 mô hình HTX được chọn tham gia thực hiện đề án.

- Nội dung thực hiện: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức các lớp học; hỗ trợ 90% kinh phí ăn, nghỉ của học viên. Nội dung các lớp bồi dưỡng gồm: nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, điều hành cho cán bộ quản lý HTX; Ứng dụng công nghệ cao và công nghệ 4.0 trong quản lý điều hành và kỹ năng phân tích chuỗi giá trị sản phẩm và xây dựng kế hoạch sản xuất dành cho cán bộ quản lý HTX; Ứng dụng công nghệ cao và công nghệ 4.0 trong hoạt động của HTX dành cho thành viên HTX.

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.606.560.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.504.560.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 102.000.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 04 năm, từ 2022-2025

### **3.5. Tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết đề án**

- Nội dung thực hiện: Ngân sách nhà nước đảm bảo 100% kinh phí tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện đề án.

- Tổng kinh phí thực hiện: 120.800.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 120.800.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 04 năm, từ 2022-2025

### **3.6. Quản lý chung đề án**

- Nội dung thực hiện: hỗ trợ không quá 3% kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để triển khai đề án, gồm: khảo sát, lựa chọn mô hình, tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác.

- Tổng kinh phí thực hiện: 420.440.000 đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 420.440.000 đồng.

- Thời gian thực hiện: 04 năm, từ 2022-2025

#### **4. Nguồn vốn, kinh phí thực hiện đề án**

##### **4.1. Nguồn vốn thực hiện đề án**

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và vốn đối ứng của các HTX tham gia thực hiện đề án

##### **4.2. Tổng kinh phí thực hiện đề án**

- Tổng số kinh phí thực hiện đề án: **16.300.000.000** đồng (*Mười sáu tỷ ba trăm triệu đồng*). Trong đó:

+ Vốn từ ngân sách nhà nước: 14.669.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng từ HTX: 1.631.000.000 đồng.

##### **4.3. Phân kỳ kinh phí thực hiện đề án**

- **Năm 2022.** Tổng kinh phí thực hiện: **5.985.400.000 đồng**. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 5.513.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 472.400.000.000 đồng.

- **Năm 2023.** Tổng kinh phí thực hiện: **6.849.600.000 đồng**. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 5.962.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 887.600.000 đồng.

- **Năm 2024.** Tổng kinh phí thực hiện: **1.936.500.000 đồng**. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.691.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 245.500.000 đồng.

- **Năm 2025.** Tổng kinh phí thực hiện: **1.528.500.000 đồng**. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 1.503.000.000 đồng.

+ Vốn đối ứng của HTX: 25.500.000 đồng.

### **III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN**

#### **1. Hiệu quả kinh tế**

Đề án được thực hiện sẽ giúp tăng hiệu quả hoạt động của HTX. Cán bộ quản lý HTX sẽ dễ dàng quản lý, điều hành các hoạt động của HTX, giảm rủi ro, giảm hao hụt, tăng hiệu suất công việc; góp phần tạo tiền đề thực hiện số hóa hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX trên địa bàn tỉnh;

Khuyến khích, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; thông qua việc triển khai thực hiện và tổng kết đề án sẽ góp phần xây dựng, củng cố cơ sở để tham mưu Tỉnh ủy, HĐND ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phong trào khởi nghiệp HTX nông nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh;

Nâng cao chất lượng sản phẩm, làm tăng giá trị sản phẩm. Sản phẩm được truy xuất nguồn gốc đến cùng, nâng cao niềm tin cho người tiêu dùng;

Đề án được thực hiện giúp gia tăng giá trị của các sản phẩm chủ lực của địa phương, nâng cao thương hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh; nâng cao thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.



## **2. Hiệu quả xã hội**

Đề án được thực hiện sẽ tạo ra cách thức tổ chức quản lý và điều hành HTX phù hợp bối cảnh phát triển công nghệ hiện nay. Đề án cũng sẽ có tác động mạnh mẽ đến thay đổi cách thức tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh.

Tạo thêm những việc làm mới, giải quyết vấn đề thu nhập cho lao động nông thôn trên địa bàn; tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, an toàn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh;

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của cán bộ HTX, đặc biệt là năng lực sử dụng công nghệ thông tin; nâng cao trình độ sản xuất cho người dân nông thôn theo hướng ứng dụng công nghệ ngày càng cao vào sản xuất nông nghiệp; thu hút được lao động trình độ cao vào làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn, hạn chế vấn đề lao động di dân ra thành phố;

Tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh theo mô hình phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn, qua đó góp phần nhân rộng mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn toàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

## **3. Hiệu quả môi trường**

Ứng dụng công nghệ 4.0 và công nghệ cao trong phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đã là một trong những biện pháp hữu hiệu, hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói chung và các sản phẩm của HTX nói riêng.

Mô hình khép kín trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của các HTX sẽ tối ưu hóa được tất cả các chi phí, trong đó có chi phí xử lý chất thải môi trường.

## **Phần thứ ba**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bắc Giang**

Chủ trì xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đề án; xây dựng tiêu chí, hướng dẫn lựa chọn các HTX tham gia thực hiện đề án; hướng dẫn các HTX được lựa chọn thực hiện các nội dung của đề án; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu đề án đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát, giới thiệu các HTX đáp ứng các tiêu chí tham gia thực hiện đề án; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính, Sở Nông nghiệp và PTNT đánh giá, lựa chọn các HTX tham gia thực hiện đề án.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công Thương, Sở KH&CN, UBND các huyện, thành phố (có HTX tham gia thực hiện đề án) kiểm soát các nội dung hỗ trợ của đề án, đảm bảo mỗi HTX không được nhận đồng thời cùng một nội dung hỗ trợ từ nhiều Chương trình, đề án có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành liên quan,

UBND các huyện, thành phố (có HTX tham gia thực hiện đề án) tổ chức đánh giá, nghiệm thu, xếp loại HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đề án, làm cơ sở đề xuất nhân rộng mô hình.

Chủ trì tổ chức các hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện đề án; báo cáo UBND kết quả thực hiện đề án, tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích phát triển, nhân rộng các mô hình trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Liên minh HTX tỉnh tổng hợp nhu cầu, cân đối, bố trí kinh phí hỗ trợ để thực hiện đề án từ nguồn ngân sách Trung ương và hàng năm của tỉnh.

Hướng dẫn Liên minh HTX tỉnh tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ thực hiện đề án đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài Chính đánh giá, lựa chọn HTX tham gia thực hiện đề án; tham gia đánh giá, nghiệm thu, xếp loại HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đề án, làm cơ sở đề xuất nhân rộng mô hình.

## **3. Sở Tài Chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX tỉnh cân đối, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung của đề án;

Hướng dẫn Liên minh HTX tỉnh, các HTX tham gia thực hiện đề án thực hiện cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện đề án; thực hiện kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kinh phí hỗ trợ theo nội dung của đề án;

Hàng năm bố trí kinh phí để Liên minh HTX tỉnh duy trì, bảo trì phần mềm (sau khi hết thời gian bảo hành của nhà cung cấp).

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá, lựa chọn HTX tham gia thực hiện đề án; tham gia đánh giá, nghiệm thu, xếp loại HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đề án, làm cơ sở đề xuất nhân rộng mô hình.

## **4. Sở Nông nghiệp và PTNT**

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, UBND các huyện, thành phố triển khai lựa chọn các HTX tham gia thực hiện đề án đảm bảo đúng đối tượng, các tiêu chí đã được phê duyệt;

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính đánh giá, lựa chọn HTX tham gia thực hiện đề án; tham gia đánh giá, nghiệm thu, xếp loại HTX theo Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đề án, làm cơ sở đề xuất nhân rộng mô hình.

## **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Hướng dẫn Liên minh HTX tỉnh lập đề cương, dự toán phần mềm quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX (phần mềm); chủ trì thực

hiện thẩm định đề cương, dự toán phần mềm đảm bảo đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành.

Chủ trì, hướng dẫn Liên minh HTX tỉnh cài đặt phần mềm tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đảm bảo cơ sở dữ liệu của phần mềm sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông qua trực LGSP của tỉnh khi có yêu cầu.

#### **6. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội khác**

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực được phân công có trách nhiệm phối hợp với Liên minh HTX tỉnh trong quá trình triển khai thực hiện đề án đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

#### **7. UBND các huyện, thành phố**

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh triển khai, giới thiệu HTX tham gia thực hiện đề án đảm bảo đúng đối tượng, tiêu chí đã được phê duyệt.

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh hướng dẫn cho HTX trên địa bàn triển khai thực hiện đề án; phối hợp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các HTX tham gia thực hiện đề án.

Phối hợp với Liên minh HTX tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT đánh giá, nghiệm thu, xếp loại HTX trên địa bàn sau khi kết thúc thực hiện đề án.

#### **8. Trách nhiệm của HTX tham gia đề án**

Hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 và các quy định liên quan. Căn cứ vào các nội dung hỗ trợ xây dựng phương án, kế hoạch triển khai có hiệu quả theo đúng nội dung, lộ trình phù hợp với từng giai đoạn, có trách nhiệm bố trí nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện các nội dung của đề án. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn để triển khai thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã cam kết khi được lựa chọn tham gia đề án. Phối hợp tuyên truyền và phổ biến hiệu quả, phương thức triển khai hoàn thiện mô hình phục vụ cho việc nhân rộng sau đề án.

## **II. KẾT LUẬN**

1. Hỗ trợ, phát triển mô hình ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX và mô hình HTX nông nghiệp khởi nghiệp ứng dụng CNC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025 là rất cần thiết nhằm xây dựng cơ sở tiến đến thực hiện số hóa hoạt động của các HTX trên địa bàn tỉnh; khuyến khích, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XIX;

2. Đề án được thực hiện sẽ hỗ trợ HTX tiết kiệm thời gian, chi phí trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế và phát triển HTX một cách bền vững; nâng cao thu nhập cho thành viên, tạo việc làm, duy trì việc làm cho người lao động góp phần ổn định xã hội; thực hiện đề án góp phần hạn chế đến mức thấp nhất các yếu tố gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói chung và các sản phẩm của HTX nói riêng;

3. Tổ chức triển khai thực hiện thành công đề án là cơ sở quan trọng để tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy phát triển lĩnh vực kinh tế tập thể, mà nòng cốt là các HTX, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn./.